

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 91/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 16/6/2025
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Ngọc Bích

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tịnh và ông Nguyễn Minh Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Dừa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 266/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Mỹ C, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp Văn Đức A, xã An T, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu

2/. *Bị đơn:* Anh Trần Tú Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Văn Đức A, xã An T, huyện Đ H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị C có đơn xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2025, lời khai trong quá trình tố tụng, chị Ngô Thị Mỹ C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Tú Đ chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vào năm 2024 chị có nộp đơn ly hôn nhưng sau đó chị đã rút lại, nhưng vợ chồng cũng không sống chung với nhau, không quan tâm nhau, cũng không tìm được biện pháp hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Tú Đ.

Về con chung: Chị C xác định anh chị có 04 người con chung tên Trần Mỹ D, sinh năm 1998, Trần Mỹ Y, sinh năm 2000, Trần Mỹ N, sinh năm 2008 và Trần Mỹ A, sinh năm 2011. Hiện nay cháu D và cháu Y đã trưởng thành có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết. Còn cháu N và cháu A đang sống với chị nên khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị C không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị C tự thỏa thuận với nhau nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị C xác định anh chị không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với anh Trần Tú Đ: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh Đ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án

Về nội dung vụ án: Giữa chị C và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh Đ.

Về con chung: Chị C xác định anh chị có 04 người con chung tên Trần Mỹ D, sinh năm 1998, Trần Mỹ Y, sinh năm 2000, Trần Mỹ N, sinh ngày 01/01/2008 và Trần Mỹ A, sinh ngày 20/02/2011. Hiện nay cháu D và cháu Y đã trưởng thành có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết. Còn cháu N và cháu A đang sống với chị C nên khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng, cháu D, cháu A có nguyện vọng được sống với chị C nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị C phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngô Thị Mỹ C có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh Trần Tú Đ. Anh Đ có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị C có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị C và anh Đ chung sống với nhau vào năm 1997, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh chị đã có con chung nhưng vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc

không đi đăng ký kết hôn giữa chị C và anh Đ là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị C và anh Đ không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh Đ thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị C và anh Đ ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh Đ là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị C xác định anh chị có 04 người con chung tên Trần Mỹ D, sinh năm 1998, Trần Mỹ Y, sinh năm 2000, Trần Mỹ N, sinh ngày 01/01/2008 và Trần Mỹ A, sinh ngày 20/02/2011. Hiện nay cháu D và cháu Y đã trưởng thành có gia đình riêng nên không đặt ra xem xét giải quyết. Khi ly hôn chị C yêu cầu nuôi cháu N và cháu A, 02 cháu cũng có nguyện vọng sống với chị C nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao 02 cháu cho chị C nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Ngô Thị Mỹ C và anh Trần Tú Đ là vợ chồng.

2/. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Trần Mỹ N, sinh ngày 01/01/2008 và Trần Mỹ A, sinh ngày 20/02/2011 cho chị Ngô Thị Mỹ C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra

Anh Trần Tú Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở,

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4/. Về án phí: Chị Ngô Thị Mỹ C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006701 ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ H.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Ngô Thị Mỹ C và anh Trần Tú Đ được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu ;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS Huyện Đ H;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Thạch Thị Ngọc Bích